BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

CHƯƠNG I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TIỂU HỌC BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 27/2020/TT-BGDĐT NGÀY 04 THÁNG 9 NĂM 2020 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

"4. Tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục là việc tổng hợp, ghi, cập nhật kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp và Học bạ số vào các thời điểm theo quy định.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh học tại lớp dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đi học ở trường

1. Nguyên tắc đánh giá học sinh khuyết tật

a) Đánh giá học sinh khuyết tật phải bảo đảm tính nhân văn, khách quan, công bằng trên cơ sở kế hoạch giáo dục cá nhân của học sinh và bảo đảm khả năng tiếp cận phù hợp với dạng tật và mức độ khuyết tật; vì sự tiến bộ của học sinh; động viên, khuyến khích kịp thời sự cố gắng và nỗ lực vượt khó của học sinh.

b) Đánh giá dựa trên sự tiến bộ của chính bản thân học sinh khuyết tật; không so sánh kết quả đánh giá của học sinh khuyết tật với các học sinh khác.

2. Nội dung và căn cứ đánh giá học sinh khuyết tật

a) Nội dung đánh giá đối với học sinh khuyết tật là những nội dung giáo dục, học tập được xây dựng trong kế hoạch giáo dục cá nhân của học sinh, bao gồm: đánh giá kết quả học tập môn học, hoạt động giáo dục, sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực (hoặc kết quả rèn luyện) và kết quả thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù (nếu có).

b) Đánh giá đối với môn học, hoạt động giáo dục mà học sinh có khả năng tham gia học tập, rèn luyện với nội dung được xác định trong kế hoạch giáo dục cá nhân thì thực hiện theo quy định chung trên cơ sở nội dung giáo dục trong kế hoạch giáo dục cá nhân. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật được miễn trong kế hoạch giáo dục cá nhân thì học sinh được miễn việc kiểm tra, đánh giá, ghi "Miễn" trong Học bạ số.

c) Kết quả thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng đặc thù của học sinh khuyết tật (nếu có) được đánh giá như một hoạt động giáo dục, kết quả đánh giá được thể hiện trong Học bạ số tại mục "Hoạt động giáo dục kỹ năng đặc thù".

3. Hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá học sinh khuyết tật

a) Thực hiện kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ như quy định chung. Việc đánh giá cần áp dụng các hình thức, phương pháp và công cụ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp và bảo đảm việc tiếp cận của học sinh khuyết tật.

b) Giáo viên có thể điều chỉnh số lượng câu hỏi, thời gian làm bài phù hợp với tình trạng thực tế về thể lực và tình trạng khuyết tật của học sinh; tăng cường sử dụng phương pháp quan sát, đánh giá qua sản phẩm học tập hoặc hồ sơ học tập của học sinh.

c) Đối với học sinh khuyết tật nhìn: trường hợp cần thiết, đề bài kiểm tra định kỳ và bài làm của học sinh được chuyển đổi sang chữ nổi Braille, hoặc sử dụng công nghệ hỗ trợ, file âm thanh, phần mềm đọc màn hình; có thể đánh giá qua vấn đáp, thực hành hoặc hình thức phù hợp với tình trạng khuyết tật của học sinh do người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định trên cơ sở đề xuất của tổ chuyên môn.

d) Đối với học sinh khuyết tật nghe, nói: có thể thay thế các nội dung kiểm tra kỹ năng nghe, nói hoặc vấn đáp bằng hình thức bài viết, bài trắc nghiệm, bài thực hành thông qua sử dụng ngôn ngữ ký hiệu hoặc một hình thức phù hợp với tình trạng khuyết tật của học sinh do người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định trên cơ sở đề xuất của tổ chuyên môn.

4. Đánh giá học sinh học tại lớp dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đi học ở trường

Giáo viên căn cứ vào nhận xét, đánh giá thường xuyên qua các buổi học tại lớp học và kết quả đánh giá định kỳ môn Toán, môn Tiếng Việt để đánh giá học sinh; việc đánh giá định kỳ được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

"b) Cập nhật nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá giáo dục và các thành tích của học sinh được khen thưởng trong năm học vào Học bạ số.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

"2. Hồ sơ đánh giá từng năm học của mỗi học sinh gồm Học bạ số và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp

a) Học bạ số phản ánh đầy đủ nội dung đánh giá học sinh theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này; việc quản lý và sử dụng Học bạ số thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý và sử dụng Học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

b) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp được lập theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này và được lưu trữ tại nhà trường theo quy định.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

"2. Xét hoàn thành chương trình tiểu học:

Học sinh hoàn thành chương trình lớp 5 được xác nhận trong Học bạ số với nội dung "Hoàn thành chương trình tiểu học".".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 12 như sau:

"2. Hiệu trưởng tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh, hồ sơ đánh giá học sinh và dữ liệu Học bạ số; bảo đảm kết quả đánh giá học sinh đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất giữa hồ sơ đánh giá học sinh, Học bạ số và dữ liệu quản lý của nhà trường, cụ thể như sau:

a) Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4: giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh; bàn giao kết quả giáo dục học sinh, hồ sơ đánh giá học sinh và dữ liệu Học bạ số để tiếp tục theo dõi, đánh giá, hỗ trợ học sinh trong năm học tiếp theo.

b) Đối với học sinh lớp 5: Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ cuối năm học; chấm, nhận xét và tổng hợp kết quả theo quy định; giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh và dữ liệu Học bạ số; nhà trường tổ chức nghiệm thu, xác nhận kết quả đánh giá học sinh, xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học và bàn giao hồ sơ, dữ liệu Học bạ số theo quy định để phục vụ chuyển cấp, chuyển trường, lưu trữ, khai thác và sử dụng. Việc nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh khi chuyển cấp là hoạt động chuyển giao dữ liệu quản lý giữa nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục địa phương; không tổ chức khảo sát, kiểm tra, đánh giá lại kết quả học tập đối với học sinh đã được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học khi chuyển cấp; việc tuyển sinh vào lớp 6 thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra việc nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 và việc kế thừa, chuyển giao, đồng bộ, khai thác và sử dụng dữ liệu Học bạ số khi học sinh chuyển lớp, chuyển cấp, chuyển trường tại các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học trên địa bàn theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm các điều kiện để các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh và cập nhật, quản lý dữ liệu Học bạ số theo quy định; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc kiểm tra theo thẩm quyền.".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Trực tiếp quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và kiểm tra việc thực hiện đánh giá học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học trên địa bàn theo Quy định này; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Hướng dẫn việc sử dụng hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định.

c) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học trên địa bàn thực hiện nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh tiểu học; cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Học bạ số theo quy định.

d) Theo dõi, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này tại địa phương.

đ) Tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện đánh giá học sinh tiểu học, việc quản lý, sử dụng Học bạ số theo quy định.

e) Chủ trì xây dựng, thẩm định, cung cấp đề kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I và cuối năm học chung cho các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học trên địa bàn đối với một số môn học đánh giá bằng điểm số của học sinh lớp 5 do Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn và thông báo cho các cơ sở giáo dục trước khi tổ chức thực hiện, bảo đảm nội dung, hình thức, mức độ đề kiểm tra phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông và thống nhất giữa các cơ sở giáo dục cùng cấp học; hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ tại các cơ sở giáo dục bảo đảm khách quan, công bằng, thực chất.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức phổ biến, triển khai Quy định này đến các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin để các cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá học sinh tiểu học, quản lý và sử dụng Học bạ số theo quy định.

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về đánh giá học sinh tiểu học, quản lý hồ sơ đánh giá học sinh tại các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Theo dõi, kiểm tra việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu Học bạ số của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

d) Giải quyết theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc về điều kiện bảo đảm thực hiện Quy định này tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo giải quyết những vướng mắc về chuyên môn, nghiệp vụ.

đ) Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo việc bảo đảm điều kiện thực hiện đánh giá học sinh tiểu học, quản lý, sử dụng Học bạ số tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 15 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

"1. Tổ chức thực hiện đánh giá học sinh theo Quy định này; bảo đảm chất lượng đánh giá; báo cáo kết quả thực hiện với Sở Giáo dục và Đào tạo, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

"3. Tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I, cuối năm học đối với học sinh lớp 5 theo đề chung do Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp ở các môn học được Sở Giáo dục và Đào tạo ra đề chung; tổ chức ra đề kiểm tra định kỳ đối với các môn học, thời điểm kiểm tra và khối lớp còn lại; tổ chức coi, chấm, nhận xét, tổng hợp kết quả kiểm tra định kỳ bảo đảm khách quan, công bằng, thực chất và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường; xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh; xác nhận kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; xét lên lớp; quản lý hồ sơ đánh giá học sinh; cập nhật, xác nhận, quản lý và sử dụng Học bạ số theo quy định.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 16 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 16 như sau:

"a) Đánh giá, tổng hợp kết quả giáo dục học sinh trong lớp; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh; cập nhật nhận xét, kết quả tổng hợp chung của lớp để lập Học bạ số; thực hiện ký số xác nhận Học bạ số của lớp chủ nhiệm sau khi giáo viên bộ môn đã hoàn thành ký số môn học; nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục học sinh cho lớp học sau; bảo đảm dữ liệu đánh giá học sinh đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất với hồ sơ quản lý của nhà trường.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 16 như sau:

"b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng lớp, cha mẹ học sinh trong đánh giá học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh; chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu kết quả học tập thuộc môn học, hoạt động giáo dục được phân công và trực tiếp ký số xác nhận kết quả môn học đó trên Học bạ số; nghiệm thu kết quả giáo dục học sinh theo quy định.".

Điều 10. Sửa đổi tên Phụ lục 2

Sửa đổi tên Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định đánh giá học sinh tiểu học thành "Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp".

Điều 11. Thay thế cụm từ

Thay thế cụm từ "Điều lệ trường tiểu học" tại khoản 3 Điều 17 bằng cụm từ "Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học".

CHƯƠNG II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 22/2021/TT-BGDĐT NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

"2. Thông tư này áp dụng đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và Chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên trong trường chuyên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan."

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên trong trường chuyên; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.".

Điều 14. Bổ sung khoản 4 vào Điều 6 như sau:

"4. Đối với nội dung giáo dục quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông và Chương trình giáo dục nâng cao dành cho môn chuyên trong lớp chuyên của trường trung học phổ thông chuyên, việc đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ được thực hiện theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và kế hoạch giáo dục của nhà trường, bảo đảm không làm tăng số lần đánh giá định kỳ so với quy định chung tại Thông tư này.".

Điều 15. Bổ sung khoản 6 vào Điều 7 như sau:

"6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ bằng hình thức bài kiểm tra trên máy tính

a) Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ trên máy tính khi đáp ứng đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm kiểm tra, đánh giá và vận hành theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường thông báo hình thức kiểm tra và yêu cầu kỹ thuật đến học sinh và cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện.

b) Bài làm và kết quả kiểm tra trên máy tính được lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử, có giá trị pháp lý tương đương bài làm trên giấy khi đáp ứng yêu cầu về tính toàn vẹn, xác thực, bảo mật, lưu trữ, khả năng truy cập, truy xuất theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

c) Nhà trường có phương án dự phòng được chuẩn bị trước và thông báo cho học sinh trước khi tổ chức kiểm tra. Trường hợp sự cố kỹ thuật ảnh hưởng đến kết quả làm bài của học sinh, nhà trường tổ chức kiểm tra lại cho học sinh bị ảnh hưởng hoặc chuyển sang hình thức kiểm tra trên giấy trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự cố, bảo đảm đề kiểm tra tương đương về nội dung, mức độ yêu cầu; bảo đảm quyền lợi của học sinh và tính khách quan, trung thực của kết quả kiểm tra.

d) Đối với học sinh khuyết tật tham gia bài kiểm tra định kỳ trên máy tính, nhà trường thực hiện điều chỉnh hợp lý phù hợp với đặc điểm, mức độ khuyết tật của học sinh theo quy định tại Điều 11 Thông tư này. Trường hợp học sinh khuyết tật không có khả năng tham gia bài kiểm tra trên máy tính kể cả khi đã áp dụng đầy đủ các biện pháp điều chỉnh, nhà trường tổ chức cho học sinh thực hiện kiểm tra trên giấy hoặc theo hình thức khác phù hợp với tình trạng khuyết tật của học sinh theo quy định tại Thông tư này; kết quả kiểm tra có giá trị pháp lý tương đương.".

Điều 16. Bổ sung khoản 3 vào Điều 8 như sau:

"3. Đối với học sinh trong thời hạn chấp hành kỷ luật: Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với gia đình động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện. Sau khi hoàn thành việc chấp hành quyết định kỷ luật và được nhà trường công nhận hoàn thành, giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm đánh giá lại kết quả rèn luyện của học sinh trên cơ sở mức độ đáp ứng

yêu cầu cần đạt về phẩm chất và sự tiến bộ của học sinh theo quy định tại Điều này, làm căn cứ xếp loại kết quả rèn luyện học kỳ hoặc cả năm học, ghi nhận sự cố gắng, tiến bộ của học sinh trong học kỳ hoặc năm học.".

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh học tại lớp dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đi học ở trường cấp trung học cơ sở

1. Việc đánh giá học sinh khuyết tật được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, phù hợp với chương trình, nội dung giáo dục và hình thức đánh giá của cấp học.

2. Đánh giá học sinh học tại lớp dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đi học ở trường cấp trung học cơ sở

Giáo viên căn cứ vào nhận xét, đánh giá thường xuyên qua các buổi học tại lớp học và kết quả đánh giá định kỳ môn Ngữ văn, môn Toán và các môn học khác mà học sinh có khả năng tham gia học tập để đánh giá học sinh; việc đánh giá định kỳ được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.".

Điều 18. Bổ sung khoản 4 vào Điều 13 như sau:

"4. Đối với học sinh lớp 9, lớp 12, việc kiểm tra, đánh giá lại kết quả rèn luyện, học tập trong kỳ nghỉ hè được bố trí linh hoạt về thời gian, bảo đảm quyền học tập của học sinh ở cấp học tiếp theo. Việc kiểm tra, đánh giá lại trong kỳ nghỉ hè không ảnh hưởng đến tiến độ tuyển sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ kế hoạch thời gian năm học và công tác tuyển sinh của địa phương để hướng dẫn cụ thể thời gian hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá lại, bảo đảm hoàn thành trước thời điểm xác nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở (đối với học sinh lớp 9) hoặc xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (đối với học sinh lớp 12) và thời điểm tiếp nhận học sinh vào đầu cấp học.".

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"Điều 14. Kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kỳ nghỉ hè

1. Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên (bao gồm cả kết quả rèn luyện trong kỳ nghỉ hè), kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTBmcn dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số).

2. Trường hợp học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt nhưng sau khi hoàn thành rèn luyện trong kỳ nghỉ hè được đánh giá từ mức Đạt trở lên thì được ghi nhận có kết quả rèn luyện cả năm học từ mức Đạt trở lên và thuộc đối tượng được đánh giá lại kết quả học tập theo quy định tại Điều này. Học sinh có kết quả học tập cả năm học và kết quả rèn luyện cả năm học đều được đánh giá mức Chưa đạt mà chưa hoàn thành việc rèn luyện trong kỳ nghỉ hè hoặc có kết quả rèn luyện trong kỳ nghỉ hè chưa được đánh giá từ mức Đạt trở lên thì không thuộc đối tượng được đánh giá lại kết quả học tập theo quy định tại Điều này.

3. Kết quả đánh giá lại của từng môn học được sử dụng thay thế kết quả học tập cả năm học của môn học đó để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.".

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, bổ sung khoản 5 vào Điều 16 và sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 16 như sau:

"1. Trực tiếp quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và kiểm tra việc thực hiện đánh giá học sinh tại các cơ sở giáo dục có cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 17 Thông tư này.

2. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục sử dụng sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên) theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này và Học bạ số theo quy định. Trường hợp sử dụng dạng hồ sơ điện tử, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng thực hiện của giáo viên và bảo đảm tính hợp pháp của hồ sơ điện tử.".

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 16 như sau:

"5. Chủ trì xây dựng, thẩm định, cung cấp đề kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I và cuối học kỳ II chung cho các cơ sở giáo dục có cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn đối với một số môn học đánh giá bằng điểm số của học sinh lớp 9, lớp 12 do Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn và thông báo cho các cơ sở giáo dục trước khi tổ chức thực hiện, bảo đảm nội dung, hình thức, mức độ đề kiểm tra phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông và thống nhất giữa các cơ sở giáo dục cùng cấp học; hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ tại các cơ sở giáo dục bảo đảm khách quan, công bằng, thực chất.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức phổ biến, triển khai Thông tư này đến các cơ sở giáo dục có cấp trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin để các cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá học sinh, quản lý và sử dụng Học bạ số theo quy định.

2. Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về đánh giá học sinh, quản lý hồ sơ đánh giá học sinh tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Theo dõi, kiểm tra việc cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu Học bạ số của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Giải quyết theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc về điều kiện bảo đảm thực hiện Thông tư này tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; kiến nghị Sở Giáo dục và Đào tạo giải quyết những vướng mắc về chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo việc bảo đảm điều kiện thực hiện đánh giá học sinh, quản lý, sử dụng Học bạ số tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định."

Điều 21. Bổ sung khoản 7 vào Điều 18 như sau:

"7. Tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I, cuối học kỳ II đối với học sinh lớp 9, lớp 12 theo đề chung do Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp đối với các môn học được Sở Giáo dục và Đào tạo ra đề chung; tổ chức ra đề kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các môn học, thời điểm kiểm tra và khối lớp còn lại; tổ chức coi, chấm, tổng hợp kết quả kiểm tra định kỳ bảo đảm khách quan, công bằng, thực chất và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường.".

Điều 22. Bổ sung cuối phần "HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỌC BẠ" tại Phụ lục Học bạ trung học cơ sở và Phụ lục Học bạ trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 nội dung sau:

"Đối với Học bạ số, các trường thông tin và nội dung đánh giá tại mẫu Học bạ là căn cứ xác định nội dung chuyên môn của Học bạ số. Các hướng dẫn về giao, nhận Học bạ; ghi bằng bút; sửa chữa bằng bút mực đỏ; ký, đóng dấu trực tiếp; quản lý, bảo quản Học bạ chỉ áp dụng đối với Học bạ giấy được tiếp tục sử dụng trong thời gian chuyển tiếp. Việc cập nhật, chỉnh sửa, xử lý sai sót dữ liệu, ký số, phát hành, quản lý, lưu trữ, khai thác và sử dụng Học bạ số thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý và sử dụng Học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.".

Điều 23. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ

1. Thay thế cụm từ "Học bạ học sinh" bằng cụm từ "Học bạ số theo quy định" tại khoản 3 và khoản 5 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 2 và khoản 4 Điều 20 của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021.

2. Bãi bỏ cụm từ "chỉ đạo," tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc sử dụng Học bạ giấy, việc tạo lập, quản lý và sử dụng Học bạ số thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý và sử dụng Học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện tạo lập Học bạ số đối với học sinh đang theo học và học sinh mới được tuyển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý và sử dụng Học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

3. Việc số hóa, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu Học bạ giấy, dữ liệu học tập hiện có để tạo lập Học bạ số được thực hiện theo lộ trình quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý và sử dụng Học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

Điều 26. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Như Điều 26 (để thực hiện);
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành PL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDPT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phạm Ngọc Thưởng